

Số: 54 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2022

**BÁO CÁO****Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**  
(Từ 16h00 ngày 10/01/2022 đến 16h00 ngày 11/01/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

**I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới**

Tổng số ca mắc tới nay vượt hơn 311,2 triệu ca và hơn 5,5 triệu ca tử vong. Trong 24 giờ qua, thế giới ghi nhận thêm hơn 1,8 triệu ca mắc và khoảng 4.000 ca tử vong. Trong 1 ngày qua, Mỹ là nước có số ca mắc mới cao nhất (trên 700.000 ca), Anh và Pháp cũng lần đầu tiên kể từ đầu dịch tới nay ghi nhận trên 200.000 ca/ngày, trong khi Mỹ cũng có số ca tử vong mới cao nhất thế giới với trên 2.000 ca.

Số ca nhập viện do mắc COVID-19 ở Mỹ đạt mức cao mới là 132.646 người vào ngày 10/01, vượt qua kỷ lục 132.051 được thiết lập vào tháng 1 năm ngoái. Số ca nhập viện tại Mỹ đã tăng đều đặn kể từ cuối tháng 12, tăng gấp đôi trong 3 tuần qua, khi biến thể Omicron nhanh chóng vượt qua biến thể Delta trở thành biến thể vượt trội của virus SARS-CoV-2 tại Mỹ. Mặc dù có khả năng biến thể Omicron ít nghiêm trọng hơn, song các chuyên gia cảnh báo số lượng lớn các ca nhiễm bệnh mới có thể khiến hệ thống của các bệnh viện tại Mỹ quá tải. Một số bệnh viện đã tạm dừng các dịch vụ theo yêu cầu khi đang xử lý số ca bệnh tăng cao trong bối cảnh thiếu nhân viên.

**II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam**

Tính đến 16h00 ngày 11/01/2022, cả nước ghi nhận 1.930.428 ca mắc, trong đó 1.925.942 ca trong nước. Đến nay đã có 1.596.956 người khỏi bệnh, 34.531 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 1.927.576 ca, trong đó có 1.924.372 ca trong nước (99,8%), 1.594.139 người đã khỏi bệnh (82,7%), 34.496 tử vong tại 52 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

**III. Tình hình dịch trong ngày****1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 16.035 ca mắc mới, trong đó 16.019 ca ghi nhận trong nước (tăng 1.236 ca so với ngày trước đó) tại 62 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (2.884), Khánh Hòa (782), Cà Mau (762), Bình Định (671), Bình Phước (667), Hồ Chí Minh (558), Đà Nẵng (543), Hải Phòng (514), Bến Tre (498), Tây Ninh (462), Đắk Lắk (381), Bắc Ninh (380), Vĩnh Long (377), Hưng Yên (347), Trà Vinh (326), Thanh Hóa (319), Bà Rịa - Vũng Tàu (294), Quảng Ninh (240), Lâm Đồng (235), Quảng Ngãi (224), Thừa Thiên Huế (222), Bạc Liêu (193), Hà Giang (186), Nghệ An (185), Thái Nguyên (184), Vĩnh Phúc (177), Hậu Giang (175), Cần Thơ (169), Hải Dương (168), Hòa Bình (161), Bình Thuận (156), Bắc Giang (155), Quảng Nam (154), Nam Định (145), An Giang (117), Đắk Nông (114), Đồng Tháp (109), Phú Thọ (108), Quảng Bình (105), Thái Bình (104), Kiên Giang (103), Ninh Bình (102), Yên Bái (101), Hà Nam (98), Sóc Trăng (92), Lạng Sơn (87), Đồng Nai (81), Lào Cai (81), Sơn La (79), Phú Yên (77), Quảng

Trị (66), Hà Tĩnh (66), Tiền Giang (65), Tuyên Quang (59), Ninh Thuận (50), Điện Biên (49), Long An (44), Lai Châu (39), Kon Tum (38), Cao Bằng (37), Bắc Kạn (26), Bình Dương (25), Gia Lai (3).

+ Có 16 ca nhập cảnh ghi nhận tại Quảng Nam (3), Nghệ An (3), Khánh Hòa (3), Quảng Bình (2), Thái Nguyên (1), Quảng Ninh (1), Hà Nam (1), Hà Tĩnh (1), Kon Tum (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.884 ca mắc, trong đó 742 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 1.216 ca tầm soát trong cộng đồng, 922 ca trong khu cách ly và 4 ca trong khu phong tỏa. Số mắc mới (2.884 ca) được phân bố tại 30 quận, huyện như sau: Thanh Xuân 303, Nam Từ Liêm 282, Đống Đa 232, Hoàn Kiếm 197, Cầu Giấy 194, Thanh Trì 189, Bắc Từ Liêm 175, Hà Đông 164, Hoàng Mai 159, Gia Lâm 129, Hai Bà Trưng 124, Đông Anh 112, Chương Mỹ 97, Ba Đình 93, Thạch Thất 84, Tây Hồ 66, Thường Tín 36, Long Biên 35, Đan Phượng 30, Sóc Sơn 27, Phú Xuyên 27, Thanh Oai 27, Sơn Tây 24, Mê Linh 23, Ứng Hòa 22, Hoài Đức 10, Ba Vì 2, Phúc Thọ 1, Mỹ Đức 1 và 19 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Gia Lai (giảm 139), Lạng Sơn (giảm 90), Hải Phòng (giảm 78).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Đắk Lắk (tăng 381), Cà Mau (tăng 222), Bà Rịa-Vũng Tàu (tăng 161).

Đến nay, Việt Nam đã ghi nhận 31 hợp nhiễm biến thể Omicron ở 3 Miền Bắc, Trung, Nam. Đây là các trường hợp này nhập cảnh Việt Nam từ 08 quốc gia (Anh, Mỹ, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Kenya, Ucraina, Qatar, Tây Ban Nha) trên 14 chuyến bay với tổng số 1.666 hành khách đi cùng, đã được cách ly, quản lý kịp thời ngay khi nhập cảnh; sức khỏe của các trường hợp trên ổn định. Hiện chưa ghi nhận các trường hợp nhiễm biến thể Omicron thứ phát tại nước ta.

## **2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng**

- Cả nước ghi nhận 10.691 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 66,7% tổng số mắc trong ngày), tăng 1.295 ca so với ngày trước đó.

+ Tỉnh Tiền Giang: Trong ngày ghi nhận 29 ca cộng đồng (tăng 24 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 34.725 ca.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 42 ca cộng đồng (tăng 2 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 31.579 ca.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.958 ca cộng đồng (tăng 556 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 73.490 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 478 ca cộng đồng (tăng 100 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 14.747 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hà Nội tăng 2.844 ca, Bến Tre tăng 1.395 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Vĩnh Long (giảm 2.198 ca), TP. Hồ Chí Minh (giảm 953 ca), Cà Mau (giảm 897 ca).

## **3. Kết quả giám sát điều trị**

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.594.139 người đã khỏi bệnh (82,7%), tăng 6.866 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 298.941 trường hợp, trong đó có 6.317 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 4.541; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 909; (3) Thở máy không xâm lấn: 125; (4) Thở máy xâm lấn: 722; (5) EMO: 20.

- Trong ngày 10/01, ghi nhận 212 trường hợp tử vong (tăng 10 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (19) trong đó có 2 ca từ Đông Nai tỉnh chuyển đến.

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: An Giang (28 ca trong 2 ngày), Sóc Trăng (22 ca trong 02 ngày), Hà Nội (17), Đồng Tháp (16), Bình Phước (12), Tiền Giang (12), Vĩnh Long (11), Cần Thơ (11), Khánh Hòa (9), Bà Rịa - Vũng Tàu (9), Tây Ninh (8), Bình Dương (7), Trà Vinh (6), Hậu Giang (5), Bạc Liêu (4), Bình Thuận (3), Hải Phòng (2), Huế (2), Bình Định (2), Vĩnh Phúc (1), Quảng Nam (1), Phú Yên (1), Hải Dương (1), Đà Nẵng (1), Ninh Thuận (1), Cà Mau (1).

#### **IV. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường tiêm vaccine phòng COVID-19, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm vaccine phòng COVID-19 đảm bảo tiêm đủ liều cơ bản cho người từ 12 tuổi trở lên; rà soát không bỏ sót đối tượng tiêm chủng và tổ chức tiêm vét cho tất cả người dân có đủ điều kiện tiêm chủng được tiêm đủ liều vaccine.

- Chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong khu vực cách ly, khu phong tỏa.

#### **V. Công tác xét nghiệm:**

Tính đến ngày 10/01/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 36.853.668 mẫu cho 79.605.268 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 31.135.667 mẫu tương đương 75.857.329 lượt người, tăng 78.837 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.731.370 mẫu gộp cho 47.551.786 lượt người.

#### **VI. Công tác tiêm chủng:**

1. Từ tháng 3/2021 đến hết ngày 10/01/2022, Việt Nam đã tiếp nhận 206.549.238 liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

##### **\* Theo loại vắc xin:**

- Vắc xin AstraZeneca: 59.707.680 liều
- Vắc xin Pfizer và Moderna: 88.321.360 liều
- Vắc xin Sinopharm: 51.761.200 liều
- Vắc xin Abdala: 5.150.000 liều
- Sputnik V: 1.508.998 liều;
- Sputnik Light: 100.000 liều.

##### **\* Theo nguồn vắc xin:**

- Nguồn Ngân sách nhà nước: 103.268.210 liều
- + 30.000.000/30.000.000 liều vắc xin mua của AstraZeneca.
- + 47.868.210/51.000.000 liều vắc xin mua của Pfizer.
- + 20.000.000/20.000.000 liều vắc xin mua của Sinopharm
- + 5.000.000/5.000.000 liều vắc xin Abdala mua của Cuba.
- + 400.000 liều vắc xin AstraZeneca mua của Chính phủ Hungary.
- Nguồn viện trợ COVAX: 49.616.820 liều
- Nguồn viện trợ Chính phủ các nước: 26.780.810 liều

- Nguồn doanh nghiệp tài trợ: 26.883.398 liều (trong đó Tập đoàn Vạn Thịnh Phát hỗ trợ 25.000.000 liều vắc xin Sinopharm)..

Trong tổng số 206,5 triệu liều vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận, Bộ Y tế đã phân bổ 116 đợt với tổng số 185 triệu liều, còn khoảng 21,5 triệu liều mới tiếp nhận, đang tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

## **2. Kết quả tiêm chủng**

Đến hết ngày 10/01/2022, cả nước đã tiêm 162.375.421 liều (trong ngày tiêm được 1.063.758 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 87,7% số vắc xin phân bổ 116 đợt.

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 148.300.821 liều, trong đó có 70.379.377 mũi 1; 65.321.754 mũi 2; 1.310.178 mũi 3 (vắc xin Abdala); 3.187.586 liều bổ sung và 8.101.926 liều nhắc lại. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 100%, tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản là 92,8% và tỷ lệ tiêm liều nhắc lại là 11,5% dân số từ 18 tuổi trở lên.

+ 37/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ liều cơ bản trên 90%

+ 21/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ đủ liều cơ bản từ 80 – dưới 90%

+ 05/63 tỉnh, thành phố còn lại có tỷ lệ bao phủ đủ liều cơ bản dưới 80% là Hưng Yên (78,8%), Nghệ An (76,8%), Hà Giang (76,1%), Cao Bằng (78,7%) và Sơn La (74,3%).

- Về triển khai tiêm chủng cho đối tượng từ 12-17 tuổi: Các tỉnh, thành phố đã triển khai tiêm 14.074.600 liều, trong đó có 8.010.031 mũi 1 và 6.064.569 mũi 2. Tỷ lệ bao phủ ít nhất 01 liều vắc xin là 89,8% và tỷ lệ bao phủ đủ liều cơ bản là 68,0% dân số từ 12 -17 tuổi.

33 tỉnh thành, phố đã cơ bản bao phủ đủ liều cơ bản cho nhóm tuổi này là Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hòa Bình, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Yên Bái, Lào Cai, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Nông, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa Vũng Tàu, Tiền Giang, Long An, Lâm Đồng, Tây Ninh, Sóc Trăng, An Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Phước, Cà Mau, Bạc Liêu, Hậu Giang

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

**VII. Công tác truy vết:** Từ ngày 27/4 đến ngày 10/01/2022, cả nước đã truy vết được 1.431.094 trường hợp F1, trong đó có 1.073.607 trường hợp đã được xét nghiệm.

**VIII. Hoạt động của các Bộ, ngành:** chi tiết tại Phụ lục 4.

## **IX. Nhận định**

Đến nay, tình hình dịch cơ bản được kiểm soát trên phạm vi toàn quốc. Thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát phòng chống dịch, nhất là thực hiện nghiêm công tác giám sát tại các điểm nhập cảnh để kịp thời phát hiện các trường hợp nhiễm biến chủng mới của vi rút; đẩy mạnh tốc độ tiêm chủng và tổ chức tiêm vét vắc xin, đảm bảo thuốc và ô xy y tế, chăm sóc, điều trị người nhiễm SARS-CoV-2 sớm, ngay tại cơ sở.

## **X. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới**

1. Đẩy mạnh hơn nữa trong thực hiện chiến dịch tiêm chủng vắc xin, tổ chức tiêm an toàn, nhanh nhất. Khẩn trương hoàn thành việc tiêm mũi 2 cho người từ 18 tuổi trở lên; không để sót, đặc biệt người có bệnh nền, người trên 50 tuổi; hoàn thành tiêm mũi 2 cho người từ 12-18 tuổi trong tháng 01 năm 2022, mũi thứ 3 cho người từ 18 tuổi trở lên trong Quý I năm 2022, đặc biệt lưu ý các đối tượng thường xuyên di chuyển (18 đến 50 tuổi) và các nhóm đối tượng có nguy cơ cao mắc bệnh. Chủ động có kế hoạch, phương án tiêm vắc xin cho trẻ em từ 5 tuổi đến 11 tuổi theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới, thực tiễn thế giới và Việt Nam.

2. Tăng cường quản lý người có nguy cơ cao (người có bệnh nền, người trên 50 tuổi, phụ nữ có thai, người người chưa tiêm đủ vắc xin phòng COVID-19 ở người trên 18 tuổi); thực hiện xét nghiệm tầm soát phát hiện người mắc COVID-19; chăm sóc và điều trị người mắc COVID-19 thuộc nhóm nguy cơ; bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ khi người sống chung, người cùng gia đình bị mắc COVID-19; hỗ trợ chăm sóc thể chất và tâm lý xã hội.

3. Tăng cường giám sát các trường hợp nhập cảnh, giám sát cộng đồng, thực hiện việc cách ly, giám sát y tế, giám sát sự biến thể của vi rút SARS-CoV-2. Tổ chức khoanh vùng ổ dịch, điều tra truy vết, lấy mẫu xét nghiệm, đánh giá nguy cơ và áp dụng các biện pháp cách ly, phong tỏa phù hợp, hạn chế thấp nhất ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. Mở rộng việc cách ly, quản lý điều trị bệnh nhân mắc COVID-19 tại nhà, nơi lưu trú, thu hẹp dần các khu cách ly tập trung.

4. Điều trị toàn diện, triệt để, giảm tử vong là ưu tiên hàng đầu; nâng cao năng lực y tế cơ sở, sẵn sàng về trang bị, nhân lực, thuốc điều trị, ô xy... Mở rộng triển khai mô hình Trạm Y tế lưu động và điều trị, quản lý các trường hợp F0 không có triệu chứng, triệu chứng nhẹ tại nhà; thành lập các mô hình đội tình nguyện, huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, tình nguyện viên... để tổ chức triển khai hoạt động chăm sóc F0 dựa vào cộng đồng, không để xảy ra tình trạng người bệnh không liên hệ được với cơ sở y tế, không được tư vấn, cấp phát thuốc điều trị. Triển khai mở rộng sử dụng thuốc điều trị COVID-19.

5. Tăng cường công tác truyền thông nâng cao cảnh giác của người dân trước biến thể Omicron, không tụ tập đông người khi không cần thiết, thực hiện nghiêm 5K, tham gia tiêm vắc xin đầy đủ, đặc biệt những người nhập cảnh và gia đình phải thực hiện nghiêm việc khai báo y tế, hạn chế tiếp xúc với người xung quanh, không ra khỏi nơi lưu trú, xét nghiệm SARS-CoV-2 khi mới nhập cảnh theo quy định.

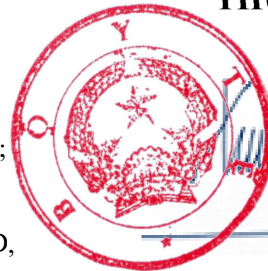
6. Cùng với các biện pháp phòng, chống dịch, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về bảo đảm an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy sản xuất kinh doanh theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và Chương trình phòng chống dịch COVID-19.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Xuân Tuyên**



**Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021**

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 10/01	Số mắc ngày 11/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 11/01	Số tử vong tích lũy đến 10/01
<b>Có lấy nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:</b>		<b>14.783</b>	<b>16.019</b>	<b>1236</b>	<b>1.924.170</b>	<b>34.496</b>
1	Hồ Chí Minh	437	558	121	508.805	20.113
2	Bình Dương	55	25	-30	291.526	3.300
3	Đồng Nai	46	81	35	98.872	1.521
4	Tây Ninh	487	462	-25	83.146	732
5	Hà Nội	2.830	2.884	54	73.490	200
6	Vĩnh Long	404	377	-27	48.920	486
7	Đồng Tháp	96	109	13	45.870	695
8	Cà Mau	540	762	222	44.605	223
9	Cần Thơ	132	169	37	43.092	709
10	Khánh Hòa	795	782	-13	41.690	213
11	Long An	22	44	22	40.834	897
12	Bình Phước	640	667	27	37.091	95
13	Tiền Giang	34	65	31	34.725	1.039
14	An Giang	126	117	-9	34.516	1.156
15	Bạc Liêu	206	193	-13	32.959	296
16	Trà Vinh	251	326	75	32.786	164
17	Kiên Giang	100	103	3	31.579	617
18	Sóc Trăng	122	92	-30	31.418	432
19	Bến Tre	370	498	128	29.819	252
20	BRVT	133	294	161	28.012	259
21	Bình Thuận	94	156	62	27.447	324
22	Bình Định	609	671	62	22.867	75
23	Hải Phòng	592	514	-78	18.265	12
24	T.T.Huế	271	222	-49	16.357	86
25	Bắc Ninh	372	380	8	15.615	18
26	Đà Nẵng	453	543	90	14.747	84
27	Hậu Giang	187	175	-12	14.238	92
28	Đắc Lắc	0	381	381	13.156	69
29	Lâm Đồng	227	235	8	12.027	29
30	Thanh Hóa	297	319	22	10.912	11
31	Hà Giang	189	186	-3	9.697	7
32	Bắc Giang	128	155	27	9.468	14
33	Nghệ An	124	185	61	9.217	36
34	Hưng Yên	379	347	-32	8.777	2
35	Gia Lai	142	3	-139	8.331	22
36	Phú Yên	77	77	0	8.388	53
37	Quảng Nam	155	154	-1	7.926	18
38	Quảng Ngãi	202	224	22	7.774	28
39	Ninh Thuận	48	50	2	6.256	54
40	Quảng Ninh	294	240	-54	6.399	4
41	Đắc Nông	103	114	11	6.234	14
42	Hải Dương	181	168	-13	5.109	5
43	Nam Định	161	145	-16	5.032	3
44	Vĩnh Phúc	180	177	-3	4.716	7
45	Quảng Bình	45	105	60	4.219	7

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 10/01	Số mắc ngày 11/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 11/01	Số tử vong tích lũy đến 10/01
46	Phú Thọ	68	108	40	4.089	3
47	Thái Bình	83	104	21	3.832	
48	Hà Nam	90	98	8	3.450	
49	Thái Nguyên	199	184	-15	3.521	1
50	Quảng Trị	86	66	-20	2.969	2
51	Hòa Bình	118	161	43	3.013	4
52	Lạng Sơn	177	87	-90	2.331	7
53	Sơn La	102	79	-23	2.204	
54	Hà Tĩnh	47	66	19	1.836	5
55	Ninh Bình	101	102	1	1.853	
56	Tuyên Quang	55	59	4	1.470	
57	Kon Tum	61	38	-23	1.325	
58	Yên Bái	79	101	22	1.188	
59	Lào Cai	60	81	21	1.159	
60	Cao Bằng	44	37	-7	1.014	1
61	Điện Biên	25	49	24	1.023	
62	Bắc Kạn	27	26	-1	605	
63	Lai Châu	25	39	14	359	
<b>14 ngày qua không có lấy nhiệm vụ phát tại địa phương:</b>						
<b>Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:</b>					<b>202</b>	<b>-</b>
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.783</b>	<b>16.019</b>	<b>1.236</b>	<b>1.924.372</b>	<b>34.496</b>

**PHỤ LỤC 2**

**PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ  
(Tính đến hết ngày 10/01/2022)**

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 116 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 116 đợt
1	Hà Nội	16.435.722	6.157.197	5.883.274	0	221.202	1.120.158	686.476	611.251	14.679.558	89,3%
2	Hải Phòng	3.810.090	1.659.430	1.525.307	0	41.169	49.351	152.042	148.204	3.575.503	93,8%
3	Thái Bình	2.719.140	1.144.892	1.172.596	89.472	62.547	55.814	149.066	45.288	2.719.675	100,0%
4	Nam Định	2.681.650	1.130.477	1.095.290	0	655	25.838	107.658	32.928	2.392.846	89,2%
5	Hà Nam	1.641.260	577.710	563.638	0	130.959	28.259	70.869	68.828	1.440.263	87,8%
6	Ninh Bình	1.528.080	636.194	622.073	0	0	6.938	82.166	76.878	1.424.249	93,2%
7	Thanh Hoá	6.499.440	2.308.654	2.135.637	228.432	0	3.111	275.971	109.115	5.060.920	77,9%
8	Bắc Giang	3.286.210	1.297.344	1.268.530	0	40.310	214.340	146.618	115.657	3.082.799	93,8%
9	Bắc Ninh	2.871.490	1.112.081	1.053.803	0	7.747	211.132	114.852	106.254	2.605.869	90,7%
10	Phú Thọ	2.119.850	964.132	862.588	0	7.011	3.613	124.342	66.675	2.028.361	95,7%
11	Vĩnh Phúc	2.102.590	784.254	693.192	0	0	0	56.306	267	1.534.019	73,0%
12	Hải Dương	3.194.630	1.244.270	1.157.332	0	12.370	193.483	155.683	98.046	2.861.184	89,6%
13	Hưng Yên	2.083.032	817.997	782.371	0	0	9.238	105.348	103.577	1.818.531	87,3%
14	Thái	2.222.450	899.451	804.320	12.792	49.801	74.994	105.493	50.728	1.997.579	89,9%



TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 116 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 116 đợt
	Nguyên										
15	Bắc Cạn	555.020	206.033	181.692	0	0	844	20.307	2.265	411.141	74,1%
16	Quảng Ninh	3.125.858	977.873	922.770	0	4.934	470.464	119.421	110.336	2.605.798	83,4%
17	Hoà Bình	1.416.370	526.417	494.124	0	0	0	74.836	65.172	1.160.549	81,9%
18	Nghệ An	5.338.400	1.926.769	1.814.419	421.763	21.240	161.467	281.138	111.544	4.738.340	88,8%
19	Hà Tĩnh	2.210.410	796.417	715.991	0	81.337	68.875	112.599	99.483	1.874.702	84,8%
20	Lai Châu	726.790	251.915	238.082	0	31.149	34.515	50.628	44.726	651.015	89,6%
21	Lạng Sơn	1.426.030	493.674	478.953	0	0	65.929	66.312	61.928	1.166.796	81,8%
22	Tuyên Quang	1.283.540	551.784	458.216	0	0	25.307	1.870	37.738	1.074.915	83,7%
23	Hà Giang	1.442.780	488.538	439.700	160	1.721	76.621	84.449	66.167	1.157.356	80,2%
24	Cao Bằng	846.900	337.103	290.381	0	3.528	32.745	44.062	36.955	744.774	87,9%
25	Yên Bái	1.351.000	503.933	484.759	0	51.000	73.416	76.986	72.425	1.262.519	93,5%
26	Lào Cai	1.329.540	498.020	418.854	0	67.217	52.644	35.595	69.069	1.141.399	85,8%
27	Sơn La	1.663.490	768.083	619.783	1.540	0	31.464	91.772	67.878	1.580.520	95,0%
28	Điện Biên	950.340	329.248	294.862	0	28.281	48.274	62.029	49.871	812.565	85,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 116 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 116 đợt
<b>Cộng miền Bắc</b>		<b>76.862.102</b>	<b>29.389.890</b>	<b>27.472.537</b>	<b>754.159</b>	<b>864.178</b>	<b>3.138.834</b>	<b>3.454.894</b>	<b>2.529.253</b>	<b>67.603.745</b>	<b>88,0%</b>
29	Quảng Bình	1.311.330	526.138	500.666	12.194	0	0	65.039	31.497	1.135.534	86,6%
30	Quảng Trị	1.166.892	425.410	402.398	9.176	3.894	11.631	56.010	25.401	933.920	80,0%
31	TT- Huế	2.049.056	783.045	727.196	0	119.680	42.400	101.908	90.687	1.864.916	91,0%
32	Tp. Đà Nẵng	2.124.322	859.412	846.426	0	944	93.754	100.536	98.437	1.999.509	94,1%
33	Quảng Nam	2.674.520	1.033.273	982.769	28.204	7.279	6.577	116.471	31.422	2.205.995	82,5%
34	Quảng Ngãi	2.060.874	825.942	751.329	0	50	4.311	108.004	11.255	1.700.891	82,5%
35	Bình Định	2.591.440	1.034.565	954.118	42.316	7.552	32.812	138.350	12.321	2.222.034	85,7%
36	Phú Yên	1.540.534	617.454	567.593	0	728	38.080	84.111	56.900	1.364.866	88,6%
37	Khánh Hòa	2.556.500	959.520	915.264	0	110.573	105.047	114.752	111.222	2.316.378	90,6%
38	Ninh Thuận	1.196.730	428.499	391.471	0	59.881	49.712	59.133	52.883	1.041.579	87,0%
39	Bình Thuận	2.351.580	915.021	831.895	0	16.120	10.721	67.351	44.109	1.885.217	80,2%
<b>Cộng miền</b>		<b>21.623.778</b>	<b>8.408.279</b>	<b>7.871.125</b>	<b>91.890</b>	<b>326.701</b>	<b>395.045</b>	<b>1.011.665</b>	<b>566.134</b>	<b>18.670.839</b>	<b>86,3%</b>

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 116 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 116 đợt
<b>Trung</b>											
40	Kon Tum	933.970	314.897	286.998	2.437	0	5.153	57.833	44.093	711.411	76,2%
41	Gia Lai	2.456.352	965.664	822.657	59.103	4.000	84.870	156.833	98.092	2.191.219	89,2%
42	Đắc Lắc	3.094.980	1.232.373	1.122.344	0	12.661	45.120	190.971	61.239	2.664.708	86,1%
43	Đắk Nông	1.109.960	400.875	392.452	0	18.121	48.777	67.958	65.117	993.300	89,5%
<b>Cộng Tây Nguyên</b>		<b>7.595.262</b>	<b>2.913.809</b>	<b>2.624.451</b>	<b>61.540</b>	<b>34.782</b>	<b>183.920</b>	<b>473.595</b>	<b>268.541</b>	<b>6.560.638</b>	<b>86,4%</b>
44	TP. HCM	19.179.770	7.457.953	6.709.338	12.340	503.091	2.533.717	675.804	619.983	18.512.226	96,5%
45	BR-VT	2.467.800	965.201	876.398	0	0	189.462	110.000	108.097	2.249.158	91,1%
46	Đồng Nai	5.970.350	2.711.679	2.318.396	0	0	21.956	176.233	126.994	5.355.258	89,7%
47	Tiền Giang	3.568.510	1.315.854	1.263.231	138.041	34.645	217.732	156.160	147.320	3.272.983	91,7%
48	Long An	3.894.950	1.493.780	1.436.284	0	7.631	233.439	168.997	145.878	3.486.009	89,5%
49	Lâm Đồng	2.572.464	970.961	937.730	0	220.567	67.096	133.818	110.960	2.441.132	94,9%
50	Tây Ninh	2.492.020	870.778	818.338	10.161	25.631	197.112	88.717	86.216	2.096.953	84,1%
51	Cần Thơ	2.570.048	921.760	1.211.674	5.840	61.756	36.687	105.400	49.006	2.392.123	93,1%
52	Sóc Trăng	2.547.520	887.380	774.990	0	0	0	116.852	104.545	1.883.767	73,9%
53	An Giang	3.810.362	1.353.699	1.334.183	182.074	207.354	94.982	198.500	180.439	3.551.231	93,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 116 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 cho người trên 18 tuổi (vắc xin Abdala)	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Liều nhắc lại cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 116 đợt
54	Bến Tre	2.561.610	1.016.381	976.414	0	272.626	118.456	106.793	99.411	2.590.081	101,1%
55	Trà Vinh	1.859.850	787.383	576.883	0	13.255	68.813	85.371	78.647	1.610.352	86,6%
56	Vĩnh Long	2.161.840	768.624	738.977	0	45.119	59.337	91.107	86.306	1.789.470	82,8%
57	Đồng Tháp	3.384.710	1.239.870	1.188.623	148	242.415	59.989	144.649	115.048	2.990.742	88,4%
58	Bình Duong	5.801.010	2.379.843	1.939.931	0	22.061	236.033	186.968	141.929	4.906.765	84,6%
59	Bình Phước	2.009.810	750.535	718.673	0	62.094	31.461	109.584	100.637	1.772.984	88,2%
60	Kiên Giang	3.502.710	1.230.739	1.118.153	53.985	0	12.489	141.009	135.305	2.691.680	76,8%
61	Cà Mau	2.185.780	814.541	806.248	0	55.316	60.360	111.615	108.680	1.956.760	89,5%
62	Bạc Liêu	1.764.190	566.025	552.153	0	150.907	65.577	88.258	84.772	1.507.692	85,5%
63	Hậu Giang	1.466.150	529.919	500.754	0	37.457	26.209	74.042	70.468	1.238.849	84,5%
<b>Cộng miền Nam</b>		<b>75.771.454</b>	<b>29.032.905</b>	<b>26.797.371</b>	<b>402.589</b>	<b>1.961.925</b>	<b>4.330.907</b>	<b>3.069.877</b>	<b>2.700.641</b>	<b>68.296.215</b>	<b>90,1%</b>

**Ghi chú:**

- 8,2 triệu liều vắc xin đợt 114, 115, 116 mới có Quyết định phân bổ ngày 07/01/2022, các địa phương đang tiếp nhận vắc xin, chưa triển khai tiêm chủng

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 61.490 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam...), số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.486.220 liều, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.122.028 liều, trong đó có 574.592 mũi 1, 518.459 mũi 2 và 28.977 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Quốc phòng khoảng 1,15 triệu liều)
- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 121.956 liều, trong đó có 59.902 mũi 1, 37.811 mũi 2 và 24.243 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 872.000 liều)

**PHỤ LỤC 3**  
**TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
(Tính đến hết ngày 10/01/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	20,6%	100,0%	90,4%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	3,4%	90,5%	88,2%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,0%	94,2%	4,5%	99,4%	30,2%
4	Nam Định	1.222.351	145.000	92,5%	89,6%	2,1%	74,2%	22,7%
5	Hà Nam	612.219	72.258	94,4%	92,1%	4,6%	98,1%	95,3%
6	Ninh Bình	701.740	81.762	90,7%	88,6%	1,0%	100,0%	94,0%
7	Thanh Hoá	2.605.729	292.547	88,6%	82,0%	0,1%	94,3%	37,3%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
8	Bắc Giang	1.322.538	168.720	98,1%	95,9%	16,2%	86,9%	68,5%
9	Bắc Ninh	1.146.204	128.062	97,0%	91,9%	18,4%	89,7%	83,0%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	95,4%	85,4%	0,4%	96,6%	51,8%
11	Vĩnh Phúc	810.197	126.825	96,8%	85,6%	0,0%	44,4%	0,2%
12	Hải Dương	1.331.799	166.013	93,4%	86,9%	14,5%	93,8%	59,1%
13	Hưng Yên	992.340	127.980	82,4%	78,8%	0,9%	82,3%	80,9%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	98,0%	87,6%	8,2%	97,7%	47,0%
15	Bắc Cạn	216.218	26.267	95,3%	84,0%	0,4%	77,3%	8,6%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	95,8%	90,4%	46,1%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	92,3%	86,7%	0,0%	100,0%	88,4%
18	Nghệ An	2.362.582	312.022	81,6%	76,8%	6,8%	90,1%	35,7%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	90,0%	8,7%	97,6%	86,2%
20	Lai Châu	262.150	56.900	96,1%	90,8%	13,2%	89,0%	78,6%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	97,5%	94,6%	13,0%	100,0%	94,2%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	93,9%	5,2%	2,6%	52,1%
23	Hà Giang	577.586	105.690	84,6%	76,1%	13,3%	79,9%	62,6%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	91,4%	78,7%	8,9%	99,6%	83,5%
25	Yên Bái	510.271	79.169	98,8%	95,0%	14,4%	97,2%	91,5%



TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	94,1%	11,8%	44,5%	86,4%
27	Sơn La	834.690	136.147	92,0%	74,3%	3,8%	67,4%	49,9%
28	Điện Biên	336.229	74.737	97,9%	87,7%	14,4%	83,0%	66,7%
<b>Cộng miền Bắc</b>		<b>30.104.887</b>	<b>3.903.919</b>	<b>97,6%</b>	<b>91,3%</b>	<b>10,4%</b>	<b>88,5%</b>	<b>64,8%</b>
29	Quảng Bình	550.834	79.538	95,5%	90,9%	0,0%	81,8%	39,6%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	93,8%	88,7%	2,6%	80,3%	36,4%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	93,2%	5,4%	98,8%	87,9%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,1%	95,6%	10,6%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	95,1%	90,5%	0,6%	83,0%	22,4%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	96,9%	88,1%	0,5%	94,0%	9,8%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	92,8%	85,6%	2,9%	94,4%	8,4%
36	Phú Yên	678.954	86.632	90,9%	83,6%	5,6%	97,1%	65,7%
37	Khánh Hòa	952.940	95.000	100,0%	96,0%	11,0%	100,0%	100,0%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	93,3%	11,8%	95,9%	85,7%
39	Bình Thuận	902.470	135.851	100,0%	92,2%	1,2%	49,6%	32,5%
<b>Cộng miền Trung</b>		<b>8.677.814</b>	<b>1.135.568</b>	<b>96,9%</b>	<b>90,7%</b>	<b>4,6%</b>	<b>89,1%</b>	<b>49,9%</b>
40	Kon Tum	338.741	60.751	93,0%	84,7%	1,5%	95,2%	72,6%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	86,6%	8,9%	90,4%	56,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
42	Đắc Lắc	1.263.947	206.278	97,5%	88,8%	3,6%	92,6%	29,7%
43	Đắk Nông	404.872	72.059	99,0%	96,9%	12,0%	94,3%	90,4%
<b>Cộng Tây Nguyên</b>		<b>2.957.714</b>	<b>512.618</b>	<b>98,5%</b>	<b>88,7%</b>	<b>6,2%</b>	<b>92,4%</b>	<b>52,4%</b>
44	TP. HCM	7.300.000	760.000	100,0%	91,9%	34,7%	88,9%	81,6%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	91,6%	19,8%	97,6%	95,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	93,1%	0,9%	60,3%	43,5%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	97,1%	16,7%	98,5%	92,9%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	98,9%	16,1%	100,0%	87,0%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	99,9%	96,5%	6,9%	100,0%	84,2%
50	Tây Ninh	947.189	98.373	91,9%	86,4%	20,8%	90,2%	87,6%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	97,2%	100,0%	3,9%	93,5%	43,5%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	89,4%	0,0%	104,7%	93,7%
53	An Giang	1.371.622	198.826	98,7%	97,3%	6,9%	99,8%	90,8%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	97,8%	94,0%	11,4%	100,0%	95,2%
55	Trà Vinh	698.227	87.422	100,0%	82,6%	9,9%	97,7%	90,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	99,9%	96,1%	7,7%	99,4%	94,1%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.614	99,6%	95,5%	4,8%	90,6%	72,1%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,2%	10,0%	96,3%	73,1%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm liều nhắc lại/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ tiêm ít nhất 1 liều/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ tiêm đủ liều cơ bản /dân số từ 12-17 tuổi
59	Bình Phước	758.594	107.044	98,9%	94,7%	4,1%	100,0%	94,0%
60	Kiên Giang	1.190.277	189.132	100,0%	93,9%	1,0%	74,6%	71,5%
61	Cà Mau	857.571	126.690	95,0%	94,0%	7,0%	88,1%	85,8%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	98,9%	96,4%	11,5%	97,2%	93,3%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	98,8%	93,4%	4,9%	100,0%	100,0%
<b>Cộng miền Nam</b>		<b>28.632.305</b>	<b>3.365.584</b>	<b>100,0%</b>	<b>93,6%</b>	<b>15,1%</b>	<b>91,2%</b>	<b>80,2%</b>

**PHỤ LỤC 4**  
**Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19**  
**của một số Bộ, ngành**

**I. Bộ Quốc phòng**

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 10/01/2022 đến 16h00 ngày 11/01/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.924 lượt người (nhập cảnh: 2.615, xuất cảnh: 2.309).
- + Tuyến VN-TQ: 2.247 lượt người (nhập cảnh: 1.076, xuất cảnh: 1.171).
- + Tuyến VN-Lào: 2.085 lượt người (nhập cảnh 1.186, xuất cảnh: 899).
- + Tuyến VN-CPC: 592 lượt người (nhập cảnh 353; xuất cảnh: 239).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 709 người trong đó:
  - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 502 người (VN-TQ: 05, VN-Lào: 173, VN-CPC: 324).
  - + Số người nhập cảnh trái phép: 206 người (VN-TQ: 23; VN-Lào:06, VN-CPC: 177).
  - + Số người trao trả: 01 người (VN-TQ: 01; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

**II. Bộ Công an**

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 09/01/2022 tới ngày 10/01/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 653 lượt người (nhập cảnh: 193 lượt người; xuất cảnh: 460 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 1.041 lượt người (nhập cảnh: 776 lượt người; xuất cảnh: 265 lượt người).

**III. Thông tấn xã Việt Nam**

Ngày 11/01, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 53 tin/bài tiếng Việt; 118 ảnh trong nước và quốc tế; 30 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19: Hơn 83% bệnh nhân COVID-19 ở Việt Nam đã khỏi bệnh; Biến thể Omicron khiến số ca mắc mới COVID-19 trên thế giới tăng vọt...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN thông tin cập nhật chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, yêu cầu Bộ Y tế công khai việc có hay không kit xét nghiệm phát hiện Omicron; cập nhật diễn biến tình hình dịch COVID-19 tại các địa phương; công tác giám sát, kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch COVID-19 trên các địa bàn; chấn chỉnh tình trạng điều trị F0 tại nhà; hỗ trợ điều trị hậu COVID-19; giải pháp tháo gỡ khó khăn trong các lĩnh vực; hoạt động chăm lo, hỗ trợ đời sống người dân; tiếp tục khuyến cáo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh với một số thông tin đáng chú ý: Chuyên gia WHO dự báo về đại dịch; Chile bắt đầu chương trình tiêm mũi vaccine thứ 4; Trung Quốc hủy hàng chục chuyến bay từ Mỹ; Hong Kong cấm du khách quá cảnh từ các khu vực nguy cơ cao; EU bãi bỏ lệnh đình chỉ các chuyến bay chở khách từ miền Nam châu Phi; Paraguay yêu cầu du khách trình chứng nhận tiêm chủng; các nghiên cứu về biến thể Omicron: Hãng Moderna nghiên cứu vaccine tăng cường đặc hiệu ngừa Omicron; hãng dược Merck tuyên bố thuốc viên Molnupiravir có thể chống Omicron; Anh công bố 20 dấu hiệu cảnh báo; Omicron có thể làm tăng nguy cơ tái nhiễm...

#### IV. Bộ Thông tin và Truyền thông

##### 1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 09/01, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 9.903.000 cuộc gọi (ngày 09/01 đã tiếp nhận và xử lý hơn 16 nghìn cuộc gọi).

30/12	31/12	1/1/22	02/01	03/01	04/01	05/01	06/01	07/01	08/01	09/01
1686	1615	1052	8989	1379	1325	1773	1789	1923	1614	1644
1	2	4		6	6	0	6	2	2	6

- Tổng đài hỗ trợ khai bảo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 09/01/2022 đã tiếp nhận hơn 309 nghìn cuộc (ngày 09/01/2022 đã tiếp nhận 72 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5/2021 – 09/01/2022 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11/2021- 09/01/2022 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	30/12	31/12	01/01/22	02/01	03/01	04/01	05/01	06/01	07/01	08/01	09/01
Cuộc gọi đến	121	142	102	87	127	92	81	85	93	96	72

##### 2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

###### 2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 3.196.114 (= so với 09/01/2022, tăng 17.563 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 34,48% dân số, 49,60% số điện thoại thông minh.

###### 2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

- + 3.660.939 điểm đăng ký
- + 167.599 điểm ghi nhận hoạt động.
- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 209.399.263

### 2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 161.277.806
- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 153.417.938
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 95,13%
- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 31.765.874
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

### 2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu là 14.316.843 (tăng 36.259 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 36.259 người

Hà Nội 6.487

Thừa Thiên Huế 9.715

Quảng Bình 5.057

Bắc Giang 8.540

Đồng Nai 1.569

Yên Bái 2.723

Thái Nguyên 1.013

Đồng Tháp 349

Cà Mau 182

Bắc Ninh 205

An Giang 54

Khánh Hòa 84

Bình Dương 120

Bình Phước 103

Sóc Trăng 39

Đắk Nông 14

Lào Cai 5



- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 5.381.120 (tăng 11.397 người)

Quảng Ninh 1.039

Hải Dương 312

Bãi Cháy 111

TPHCM 676

Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh 186

Bình Định 7

Yên Bái 106

Thái Nguyên 282

An Giang 1

Bắc Giang 4.988

Bình Dương 108

Bình Phước 10

Cà Mau 13

Đồng Nai 534

Đồng Tháp 23

Hà Nội 614

Khánh Hòa 11

Quảng Bình 448

Thừa Thiên Huế 398

Tiền Giang 12

Bệnh viên ĐK Tư nhân Hùng Vương 1

TTYT Thanh Thủy - Phú Thọ 2

Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh 62

Bệnh viện sản nhi TWG Long An 40

SOVICO 446

Bệnh viện đa khoa Hoàng Tuấn - Sóc Trăng 24

Bệnh viện Hồng Ngọc 917

Bệnh viện đa khoa Hà Đông 26

### 3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...